

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 09/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 13h00 * Ngày thi: 21/09/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28208151401	Nguyễn Thị Minh	Anh	13/05/2003	Nghệ An	31THT11	9.7	9.5	Đạt	
2	28206731865	Tôn Nữ Trâm	Anh	28/10/2004	Đà Nẵng	31TBN8	5.0	7.8	Đạt	
3	28200350838	Trần Thị Trâm	Anh	25/12/2004	Gia Lai	31THT11	4.3	7.5	Không Đạt	
4	30210250137	Nguyễn Duy	Cảnh	06/05/2006	Huế	31TBN11	5.3	2.3	Không Đạt	
5	28213446337	Nguyễn Quốc	Chánh	14/05/2004	Đà Nẵng	31TSC10	7.7	6.8	Đạt	
6	28207204603	Nguyễn Phương	Chi	19/02/2004	Gia Lai	31TSC10	9.0	7.3	Đạt	
7	28211104896	Nguyễn Hải	Đăng	23/02/2004	Quảng Nam	31TSC10	5.7	9.0	Đạt	
8	27213738601	Nguyễn Mai Thành	Đạt	09/07/2003	Đà Nẵng	31TSC10	4.7	6.5	Không Đạt	
9	28206934766	Lê Nguyễn Thị Hiền	Diệu	11/03/2004	Đà Nẵng	31THT11	7.3	5.8	Đạt	
10	28204350106	Lê Thị Huyền	Diệu	31/01/2004	Kiên Giang	31THT11	8.7	8.5	Đạt	
11	28207100186	Phan Vũ Đình	Đình	20/02/2004	Quảng Nam	31CBN3	7.3	6.3	Đạt	
12	27211301178	Phan Ngọc	Đức	26/03/2003	Hà Tĩnh	31THT11	9.3	8.5	Đạt	
13	28204549724	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	18/01/2004	Quảng Trị	31TBN8	8.3	5.5	Đạt	
14	28208306062	Phạm Mỹ	Duyên	10/12/2004	Đà Nẵng	31TBN11	9.0	9.3	Đạt	
15	28202737268	Trần Nguyễn Thảo	Duyên	14/01/2004	Đà Nẵng	31THT11	7.7	8.0	Đạt	
16	28208453230	Nguyễn Thị Trạch	Giang	20/08/2004	Đà Nẵng	31TBN11	7.0	10.0	Đạt	
17	28218005182	Phạm Trường	Giang	29/12/2004	Thái Bình	31TBN11	6.0	5.3	Đạt	
18	28208000880	Nguyễn Thị Việt	Hà	05/01/2004	Quảng Nam	31TBN11	8.3	5.8	Đạt	
19	28202706073	Hoàng Bích	Hải	04/03/2004	Đà Nẵng	31THT11	7.0	6.0	Đạt	
20	28218305990	Nguyễn Văn Minh	Hải	03/04/2004	Đà Nẵng	31TSC10	4.3	9.0	Không Đạt	
21	28208041965	Đoàn Thị Bích	Hạnh	13/10/2004	Đắk Lắk	31TSC10	9.3	5.0	Đạt	
22	28212306616	Nguyễn Văn	Hậu	15/03/2004	Phú Yên	31TBN11	7.7	8.0	Đạt	
23	26217142328	Hoàng Minh	Hiếu	27/06/2002	Quảng Bình	31TBN11	5.3	7.8	Đạt	
24	28211334779	Nguyễn Thái	Hòa	23/04/2004	Quảng Bình	31TBN11	9.7	6.0	Đạt	
25	27203236769	Trịnh Thị Khánh	Hòa	15/07/2003	Đà Nẵng	31TSC10	4.7	5.5	Không Đạt	
26	27217539597	Nguyễn Phan Việt	Hoàng	06/10/2003	Hà Tĩnh	31THT11	6.3	8.0	Đạt	
27	28214300890	Huỳnh Thị Kiều	Hoanh	15/11/2004	Quảng Ngãi	31TSC10	7.7	1.8	Không Đạt	
28	28218004624	Lưu Đức	Huệ	19/09/2004	Bình Định	31TSC10	7.0	5.8	Đạt	
29	26218627019	Trần Bảo	Hung	22/04/2002	Đà Nẵng	31TBN11	3.7	1.5	Không Đạt	
30	28212706927	Trần Trung	Hung	07/01/2004	Nghệ An	31THT11	4.7	5.0	Không Đạt	
31	28205124353	Trần Thị Lê	Hương	04/05/2004	Đà Nẵng	31THT11	5.3	5.0	Đạt	
32	28218453232	Hồ Minh	Huy	26/01/2004	Đà Nẵng	31TSC10	6.3	3.5	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28218138239	Huỳnh Nhật	Huy	13/05/2004	Đà Nẵng	31TBN11	7.0	9.0	Đạt	
34	27215327193	Nguyễn Vũ Lê	Huy	07/12/2003	Đà Nẵng	31CSC5	6.7	0.5	Không Đạt	
35	28218344375	Trần Quang	Huy	01/09/2004	Quảng Nam	31TSC10	5.7	5.8	Đạt	
36	30206553886	Bùi Thị Lệ	Huyền	30/04/2006	Quảng Ngãi	31THT11	8.3	5.5	Đạt	
37	28206704844	Lê Thị Ngọc	Huyền	20/03/2004	Quảng Nam	31TBN11	7.7	9.0	Đạt	
38	28206500237	Nguyễn Thị Thúy	Huyền	04/12/2004	Đắk Lắk	31TBN11	9.3	7.1	Đạt	
39	27207124663	Nguyễn Vương Thục	Khanh	27/12/2003	Đà Nẵng	31TSC10	9.7	10.0	Đạt	
40	28212306030	Đàm Hoàng Nguyên	Khánh	20/09/2004	Đà Nẵng	31THT11	8.3	7.8	Đạt	
41	28213403378	Trần Đức	Kiên	10/06/2004	Quảng Ngãi	31TSC10	9.0	6.5	Đạt	
42	28218006296	Lê Trí	Kiệt	20/03/2004	Phú Yên	31TSC10	7.7	7.0	Đạt	
43	25202202956	Huỳnh Thị Đình	Kính	06/05/1998	Phú Yên	31TBN11	4.3	1.8	Không Đạt	
44	28212754726	Thân Vĩnh Hoàng	Lâm	06/03/2004	Quảng Nam	31THT11	4.0	5.0	Không Đạt	
45	28208004382	Đỗ Ngọc Thanh	Lan	13/07/2004	Bình Định	31TBN11	9.7	9.8	Đạt	
46	28218001585	Vũ Tài	Lân	04/01/2004	Kon Tum	31TSC10	5.7	5.5	Đạt	
47	28204902500	Đỗ Thị Kiều	Linh	12/08/2004	Quảng Nam	31TBN11	9.0	8.5	Đạt	
48	28213454072	Trần Tấn	Linh	02/07/2004	Quảng Ngãi	31TSC10	6.7	5.0	Đạt	
49	28208150083	Văn Thị Phương	Linh	22/08/2004	Thanh Hóa	31THT11	9.3	5.5	Đạt	
50	28218045425	Mai Hoàng	Lộc	31/03/2004	Quảng Nam	31TSC10	7.7	5.8	Đạt	
51	28212404180	Hồ Nguyễn Tiến	Lợi	25/06/2004	Quảng Trị	31TSC10	6.7	6.0	Đạt	
52	28212703499	Nguyễn Thành	Lợi	28/09/2004	Bình Định	31THT11	3.7	5.0	Không Đạt	
53	28204902943	Cao Thị	Ly	09/06/2004	Quảng Nam	31TSC10	9.0	6.8	Đạt	
54	28204544065	Hoàng Thị	Ly	15/05/2004	Quảng Trị	31TBN8	7.7	6.5	Đạt	
55	28206503178	Lê Khánh	Ly	02/09/2004	Quảng Trị	31TBN11	10.0	8.0	Đạt	
56	28208051243	Nguyễn Ngô Nhật	Minh	23/10/2003	Quảng Nam	31TSC10			Không Đạt	
57	28208300036	Võ Thị	Mơ	04/04/2004	Quảng Nam	31THT11	9.7	8.0	Đạt	
58	28206254569	Lê Thị Trà	My	23/03/2002	Quảng Bình	31TSC10	9.0	7.5	Đạt	
59	28206549097	Trịnh Thị Thúy	Nga	20/07/2004	Đắk Lắk	31SBN5	9.0	6.8	Đạt	
60	26204732390	Bùi Thị Bích	Ngọc	03/12/1997	Đà Nẵng	31CSC5	8.3	6.0	Đạt	
61	29204859847	Nguyễn Thị Như	Ngọc	04/03/2005	Gia Lai	31TBN11	7.7	8.5	Đạt	
62	30211156745	Lê Hữu	Nguyễn	16/04/2006	Quảng Trị	31TBN11	5.0	3.3	Không Đạt	
63	29209521622	Trần Thị Thanh	Nhân	17/07/2005	Quảng Nam	31THT11	10.0	9.3	Đạt	
64	30206521840	Phan Thị Băng	Nhạn	10/04/2005	Quảng Trị	31THT11	6.7	5.5	Đạt	
65	28202738950	Dương Ngọc Bảo	Nhi	05/08/2004	Đà Nẵng	31THT11	6.7	3.8	Không Đạt	
66	27214153688	Dương Tâm	Nhi	17/12/2003	Hà Tĩnh	31TBN11	9.0	5.5	Đạt	
67	28206602977	Trần Thị	Nhi	18/06/2004	Quảng Trị	31TBN11	6.7	6.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	28204601467	Trịnh Thị Yến	Nhi	14/03/2004	Đà Nẵng	31TBN11	9.3	8.3	Đạt	
69	29208058057	Lê Thị Yến	Như	08/08/2005	Quảng Trị	31THT11	7.7	7.5	Đạt	
70	27212253748	Trương Mai	Oanh	22/10/2003	Quảng Trị	31TSC10	4.0	5.0	Không Đạt	
71	28208147568	Lê Thị Hồng	Phấn	15/11/2003	Phú Yên	31THT11	6.3	2.0	Không Đạt	
72	28218104213	Huỳnh Văn	Phúc	19/09/2004	Đà Nẵng	31TSC10	7.3	7.3	Đạt	
73	28208141275	Bùi Lê Thảo	Phượng	05/05/2004	Quảng Nam	31TBN11	3.7	3.3	Không Đạt	
74	28218130469	Đình Gia	Quân	30/11/2004	Đà Nẵng	31THT11	4.0	5.8	Không Đạt	
75	28212404253	Lê Bá	Quân	24/07/2004	Quảng Trị	31TBN11	9.3	8.5	Đạt	
76	28206506937	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	14/08/2004	Quảng Nam	31TBN11	9.3	5.3	Đạt	
77	28218042132	Nguyễn Thanh	Rin	01/11/2004	Đà Nẵng	31TSC10	5.7	7.0	Đạt	
78	28212350333	Bùi Đỗ	Sang	07/01/2004	Quảng Nam	31SBN3	6.0	5.0	Đạt	
79	28204136446	Nguyễn Nhân	Tâm	22/06/2004	Quảng Nam	31TBN11	6.7	7.0	Đạt	
80	29214650949	Hoàng Đình	Thắng	12/02/2002	Quảng Trị	31THT11	4.3	1.5	Không Đạt	
81	28208005404	Nguyễn Nho Phương	Thảo	30/01/2004	Quảng Nam	31TSC10	9.7	8.0	Đạt	
82	28206500176	Bùi Đỗ Anh	Thư	04/04/2004	Quảng Ngãi	31TBN11	9.0	7.0	Đạt	
83	28205245615	Nguyễn Anh	Thư	09/05/2004	Đà Nẵng	31TBN11	8.0	2.5	Không Đạt	
84	28208303439	Nguyễn Minh	Thư	14/06/2004	Bình Định	31THT11	8.3	8.5	Đạt	
85	28208352857	Đình Phan Thanh	Thúy	08/06/2004	Hồ Chí Minh	31THT11	7.3	9.5	Đạt	
86	28202702251	Trần Thị Hồng	Thúy	18/12/2003	Đắk Lắk	31THT11	4.7	5.8	Không Đạt	
87	28208321233	Bùi Thị Á	Tiên	04/02/2004	Đà Nẵng	31THT11	9.0	6.5	Đạt	
88	29203637302	Ngô Thị Kiều	Tiên	11/05/2005	Quảng Ngãi	31THT11	6.0	8.8	Đạt	
89	28209336343	Nguyễn Thị Hà	Tiên	06/08/2004	Quảng Nam	31TBN11	9.0	6.0	Đạt	
90	28208052913	Hồ Thị Thanh	Tiên	15/01/2004	Bình Định	31TBN11	8.3	9.5	Đạt	
91	28218025488	Vũ Ngọc Minh	Tín	18/11/2004	Đà Nẵng	31TSC10	6.3	2.5	Không Đạt	
92	27213231525	Ngô Nguyên	Toàn	28/08/2003	Quảng Nam	31TSC10	8.3	8.5	Đạt	
93	28204301443	Ông Thị Tố	Trâm	29/06/2004	Đà Nẵng	31TSC10	9.7	7.3	Đạt	
94	28208101109	Huỳnh Thị Thùy	Trang	24/07/2004	Quảng Nam	31TBN11	8.7	6.0	Đạt	
95	29209443156	Nguyễn Thị Thu	Trang	25/01/2005	Gia Lai	31TBN11	6.0	6.5	Đạt	
96	28218100393	Phạm Trung	Trí	02/01/2004	Quảng Ngãi	31TBN11	7.0	3.5	Không Đạt	
97	28212701526	Huỳnh Thế	Trình	15/09/2003	Phú Yên	31THT11	5.7	6.5	Đạt	
98	26205300629	Nguyễn Thị Ánh	Trúc	29/04/2000	Nam Định	31THT11	8.0	6.8	Đạt	
99	28218100745	Nguyễn Đức	Trung	13/09/2004	Hồ Chí Minh	31THT11	5.7	3.5	Không Đạt	
100	28218004225	Nguyễn Xuân	Trường	20/03/2004	Thanh Hóa	31TSC10	9.3	8.0	Đạt	
101	30206554821	Phan Thị Thanh	Tuyền	12/12/2006	Đà Nẵng	31THT11	9.0	10.0	Đạt	
102	28209301244	Huỳnh Nhã	Uyên	02/06/2004	Đắk Lắk	31SBN5	7.7	7.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
103	28208100046	Nguyễn Tú Uyên	05/09/2004	Đà Nẵng	31TSC10	7.7	6.3	Đạt	
104	27211224995	Đinh Thanh Việt	10/02/2003	Đà Nẵng	31TSC10	8.7	6.8	Đạt	
105	28206603863	Nguyễn Hoàng Khánh Vy	19/10/2003	Đà Nẵng	31SHT4	5.7	6.0	Đạt	
106	28208006879	Nguyễn Thị Thảo Vy	10/09/2004	Đà Nẵng	31THT11	5.7	6.8	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh